

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-PT.

Ngày: 20/7/2018.

V/v : “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Thân Thắng.

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Minh Hiền

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc
Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn–
Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLPT- DS ngày 23/4/2018 Về việc: "
Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 74/2018/HNGĐ-ST ngày 28/11/2017 của Tòa
án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2018/QĐ-PT ngày
12/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐ-PT ngày 20/06/2018 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Hoàng Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 0*, ngõ 1*, đường T, tổ T 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc
Giang.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2017 và những lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Đỗ Hoàng Đ kết hôn ngày 09/02/2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới các bên được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện không bị ai ép buộc. Được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy, không có bất kỳ trách nhiệm gì với vợ con và gia đình. Anh Đ cũng đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng sau đó lại tái nghiện và còn nghiện nặng hơn. Đến đầu năm 2014 thì anh Đ bị bắt và bị Tòa án xử phạt về tội trộm cắp tài sản. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Ngọc Lý từ đó đến nay. Chị và anh Đ đã sống ly thân nhau nhiều năm. Từ đầu năm 2017 chị đã chuyển hộ khẩu về huyện S và ở cùng bố, mẹ đẻ cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể kéo dài việc chung sống với nhau nữa, chị yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Hoàng Đ. Chị không đồng ý với ý kiến của anh Đ về việc sau này anh Đ chấp hành án xong mới giải quyết ly hôn vì chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Đỗ Thu U, sinh ngày 13/11/2010 và Đỗ Quang H, sinh ngày 06/3/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên ở Công ty Sam Sung Bắc Ninh, thu nhập ổn định từ 8 đến 10 triệu đồng một tháng, đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con; ngoài ra bố mẹ đẻ chị còn khỏe, có thể hỗ trợ chị trong việc trông nom, chăm sóc các cháu. Hơn nữa hiện nay anh Đ đang đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống cùng gia đình anh Đ, chị và anh Đ không có đóng góp công sức gì vào khối tài sản chung của gia đình, vợ chồng ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 12/10/2017, bị đơn là anh Đỗ Hoàng Đ trình bày: Anh và chị N kết hôn ngày 09/02/2010, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện. Khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N phát hiện anh bị nghiện ma túy, chị N có khuyên bảo thôi bỏ ma túy nhưng anh không thực hiện được, và do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến đầu năm 2015 anh bị bắt về tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án tuyên phạt ba năm tù, hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do anh, anh không có trách nhiệm với vợ con do phải đi chấp hành án. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng nhưng chị N có đơn đề nghị giải quyết ly hôn anh chưa đồng ý ly hôn vì con anh còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha mẹ. Sau này anh chấp hành án xong nếu chị N yêu cầu giải quyết ly hôn, anh sẽ đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải thoát cho cả hai người. Do anh chỉ còn phải chấp hành án sáu tháng nữa nên anh đề nghị Tòa án sau khi anh chấp hành án xong mới tiến hành giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Đỗ Thu U, sinh ngày 13/11/2010 và cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 06/3/2014. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn khi anh chưa chấp hành án xong thì anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng cả hai con chung. Khi nào anh chấp hành án xong anh sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang phải chấp hành án phạt tù, việc đi lại khó khăn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Tại biên bản lấy lời khai cháu Đỗ Thu U, sinh ngày 13/11/2010, cháu U trình bày: Cháu là con bố Đỗ Hoàng Đ, con mẹ Nguyễn Thị N. Bố mẹ cháu không còn sống cùng nhau, cháu đang ở cùng mẹ và ông bà ngoại cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không còn sống cùng với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ cháu.

Với nội dung trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 74/2018/HNGĐ-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xử:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Hoàng Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thu U, sinh ngày 13/11/2010 và Đỗ Quang H, sinh ngày 06/3/2014 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 24/12/2017 bị đơn anh Đỗ Hoàng Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 74/2018/HNGĐ-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng Đ không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án do vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng Đ trình bày: Tôi không đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N vì tôi đã chấp hành án xong trở về với gia đình và địa phương, có công ăn việc làm ổn định đủ để nuôi sống vợ con. Đề nghị HĐXX xem xét xử lý hành vi vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình khi đăng ký kết hôn cho chị N và anh K trong khi đang tồn tại hôn nhân hợp pháp với tôi. Xử lý cá nhân có vi phạm là anh Nguyễn Văn K đã chung sống và có con với vợ tôi trong khi tôi đi chấp hành án. Tôi xác định tình cảm vợ chồng về phía tôi vẫn có thể tiếp tục chung sống với chị N được nhưng về phía chị N thì tôi không biết còn tình cảm với tôi không.

Tôi muốn đoàn tụ gia đình với chị N vì các con còn nhỏ, trường hợp không thể đoàn tụ mà phải ly hôn thì tôi muốn nuôi cả hai con chung vì điều kiện sinh hoạt ở thành phố B sẽ tốt hơn ở huyện S. Nếu không thì tôi có nguyện vọng được nuôi cháu trai vì tôi là con trai duy nhất, cháu H là cháu trai đích tôn của dòng họ.

Hiện nay tôi đã đi làm ở xưởng gara ô tô V, địa chỉ số 15, đường N, thành phố B được hơn 1 tháng có mức lương là 8 triệu đồng và còn có tăng lương theo thời gian làm việc. Vì là chỗ thân quen giới thiệu nên không có hợp đồng lao động cụ thể, tuy nhiên Tòa án có thể đến xác minh nếu thấy cần thiết. Tôi khẳng định đảm bảo điều kiện để nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung nếu phải ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung không có gì nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân xét thấy mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể tiếp tục nên cấp sơ thẩm xử cho chị N được ly hôn anh Đ là có căn cứ, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Hoàng Đ. Về con chung anh chị có 2 con chung nên chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Hoàng Đ giao cho anh Đ nuôi 01 con chung là cháu Đỗ Quang H. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét. Về vấn đề đăng ký kết hôn của chị N, anh K: Đề nghị HĐXX kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Anh Đỗ Hoàng Đ được nộp cho Tòa án nhân dân thành phố B trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của anh Đỗ Hoàng Đ là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX thấy nguyên đơn đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn :

[3.1]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Hoàng Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 74/2018/HNGĐ-ST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải, công khai tiếp cận chứng cứ có mặt nguyên đơn và bị đơn mà đã đưa vụ án ra xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn; bị đơn có bằng chứng nguyên đơn ngoại tình, HĐXX thấy:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Đỗ Hoàng Đ là bị đơn đã đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt anh vì anh khi đó hiện đang chấp hành hình phạt tại trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (BL26). Căn cứ điều 227, BLTTDS năm 2015 về sự có mặt của đương sự quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, đương sự hoặc người đại diện của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải có mặt tại phiên tòa; nếu có người vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/10/2017 anh Đỗ Hoàng Đ đã thể hiện ý chí xin vắng mặt trong buổi hòa giải và xét xử, anh Đỗ Hoàng Đ đã được đọc thông qua biên bản. Như vậy không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải, công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn mà đã đưa vụ án ra xét xử. Nên kháng cáo của anh Đỗ Hoàng Đ là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong quá trình soạn thảo văn bản tố tụng vì trong bản án nhận định anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

[3.2]. Về việc anh Đỗ Hoàng Đ kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và có bằng chứng về việc chị Nguyễn Thị N ngoại tình, HĐXX thấy:

Về quan hệ vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ, chị N có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Hoàng Đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Đỗ Hoàng Đ cũng đồng ý ly hôn với chị N. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị N vắng mặt và vẫn giữ quan điểm được ly hôn anh Đỗ Hoàng Đ, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vắng mặt nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đã giải quyết cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Đỗ Hoàng Đ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thu U, sinh ngày 13/11/2010 và Đỗ Quang H, sinh ngày 06/3/2014. Các con chung đều đang ở với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi cháu U nhưng anh nhất trí để chị N nuôi dưỡng cả hai con chung nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn trong thời gian anh chưa chấp hành án phạt tù xong. Theo nguyện vọng của cháu U và để các cháu có cuộc sống ổn định cấp sơ thẩm giao cả hai cháu U và H cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Đỗ Quang H. Hiện nay, anh Đỗ Hoàng Đ đã chấp hành hình phạt cải tạo xong, tạm thời công việc có thu nhập, có nơi ở ổn định. Mặt khác chị N đang nuôi hai con chung với anh Đ và có một con chung với anh Nguyễn Văn K, điều kiện sống ở vùng kinh tế xã hội có khó khăn của huyện S ít nhiều sẽ gặp khó khăn trong cuộc sống. Do đó HĐXX thấy cần chấp nhận kháng cáo của anh Đ về nuôi con chung, sửa án sơ thẩm giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Đỗ Quang H sinh ngày 06/3/2014, giao con chung là cháu Đỗ Thu U, sinh ngày 13/11/2010 cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn các bên vẫn có thể thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Hoàng Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị N, anh Đỗ Hoàng Đ được thăm nuôi, chăm sóc và thực hiện các quyền và nghĩa vụ về nuôi dưỡng không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Hoàng Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Đối với yêu cầu của anh Đỗ Hoàng Đ yêu cầu xử lý việc chị N đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn K tại UBND xã D, huyện S, HĐXX thấy: qua xác minh có việc đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày. Việc kết hôn này vi phạm pháp luật

hôn nhân và gia đình vì tại thời điểm đăng ký chị N chưa ly hôn xong với anh Đ. Căn cứ theo phạm vi và thẩm quyền giải quyết vụ án, HĐXX phúc thẩm không giải quyết việc kết hôn giữa chị N và anh K trong vụ án này được, tuy nhiên HĐXX sẽ có văn bản kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét theo quy định của pháp luật. Anh Đ nếu thấy quyền lợi ích hợp pháp bị xâm phạm thì có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền (như UBND xã D, UBND huyện S, Tòa án nhân dân huyện S) xử lý việc đăng ký kết hôn giữa chị N và anh Khắc theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Hoàng Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung.

1. Về quan hệ vợ chồng: Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Hoàng Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thu U, sinh ngày 13/11/2010 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 06/3/2014 cho anh Đỗ Hoàng Đ nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Hoàng Đ không phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT. Hoàn trả anh Đỗ Hoàng Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/06592 ngày 27/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND TP B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

